

Số: /2025/QĐ-UBND Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2025/TT-BNNMT;

Căn cứ Thông tư số 21/2025/TT-BNNMT quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 540/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ) về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước về Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

b) Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ) ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Nam Định;

c) Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ) ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP và PCVP;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP3.

L/VP3/2025/QĐ14

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

QUY CHẾ**Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn
và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày /12/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế quy định trách nhiệm, sự phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn (KTTV) và biến đổi khí hậu (BĐKH) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Những nội dung liên quan đến hoạt động KTTV và BĐKH không nêu trong Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (sau đây gọi tắt là các tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động KTTV và BĐKH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Mục tiêu phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ, quy định trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động KTTV và BĐKH trên địa bàn tỉnh đảm bảo được chặt chẽ và tuân thủ quy định pháp luật.

2. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực KTTV và các hoạt động ứng phó với BĐKH.

3. Hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp và trao đổi về thông tin, dữ liệu có liên quan đến hoạt động KTTV nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Nguyên tắc, phương thức phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, đồng bộ, hiệu quả, có sự phân công trách nhiệm phù hợp với từng cơ quan, đơn vị trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTV và các hoạt động ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Việc phối hợp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị; bảo đảm triển khai đầy đủ, chặt chẽ, đúng quy định; tuân thủ quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc phối hợp, trao đổi thông tin, dữ liệu trong hoạt động KTTV phải thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về KTTV và ứng phó với BĐKH.

4. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thường xuyên phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, phân công đầu mối (lãnh đạo và chuyên viên) theo dõi, giải quyết các công việc liên quan đến công tác phối hợp quản lý KTTV và BĐKH. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động KTTV và BĐKH trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị mình. Thường xuyên, kịp thời trao đổi thông tin, đề xuất về các nội dung cần phối hợp để thống nhất, triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả.

5. Khi cần sự phối hợp của cơ quan, đơn vị liên quan để xử lý kịp thời nội dung công tác quản lý nhà nước về KTTV và BĐKH, các sở, ban, ngành, địa phương ban hành văn bản, hoặc trực tiếp trao đổi, hoặc thông qua các phương tiện thông tin liên lạc đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo chức năng nhiệm vụ; đồng thời báo cáo chi tiết cho Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả phối hợp, xử lý nội dung công việc để xem xét chỉ đạo.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KTTV VÀ BĐKH

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong công tác quản lý khí tượng thủy văn

a) Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về KTTV và tổ chức thực hiện.

b) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phương án phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng ngân sách theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện các hoạt động KTTV phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai của địa phương.

c) Cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV đối với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

d) Quản lý các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo, thông tin, dữ liệu, cung cấp dịch vụ KTTV tại địa phương.

đ) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

e) Tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; việc lồng ghép kết quả giám sát BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

g) Tổ chức đánh giá tác động của BĐKH, xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH đối với các lĩnh vực, khu vực thuộc phạm vi quản lý.

h) Tổ chức truyền, phát tin dự báo, cảnh báo KTTV thuộc phạm vi quản lý.

i) Quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV thuộc phạm vi quản lý.

k) Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về KTTV, BĐKH; thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động phục vụ, dịch vụ KTTV trên địa bàn.

l) Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về hoạt động KTTV theo thẩm quyền.

m) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về KTTV theo thẩm quyền.

n) Xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm hành lang kỹ thuật công trình KTTV và các hành vi vi phạm pháp luật khác về KTTV trên địa bàn.

o) Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Khí tượng thủy văn đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 42 Luật Khí tượng thủy văn và Điều 48, Điều 49 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

p) Tổ chức thẩm định, giám sát thực hiện kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều 44 Luật Khí tượng thủy văn đối với trường hợp quy định tại Điều 42 Luật Khí tượng thủy văn và Điều 49 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

q) Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH trong địa giới hành chính của tỉnh quy định tại Điều 34 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP.

2. Phối hợp trong công tác quản lý ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật về BĐKH.

b) Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện các chương trình, Kế hoạch ứng phó với BĐKH tại địa phương.

c) Lồng ghép nội dung ứng phó BĐKH vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, chương trình thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

đ) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BĐKH.

e) Theo dõi, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo các hoạt động thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cập nhật, điều chỉnh danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính; rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.

g) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực BĐKH; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

h) Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực BĐKH.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp, quản lý

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật về KTTV và BĐKH.

b) Tiếp nhận, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí trên các sông thuộc địa bàn quản lý, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

d) Tổ chức theo dõi, giám sát việc tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh; chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh đối với các trường hợp được tác động vào thời tiết theo quy định.

đ) Tổ chức thẩm định, giám sát việc trao đổi thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH trong địa giới hành chính.

e) Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình KTTV chuyên dùng.

g) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình KTTV chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

h) Tổ chức bảo vệ công trình KTTV thuộc phạm vi quản lý; phối hợp bảo vệ công trình KTTV thuộc mạng lưới KTTV quốc gia; quản lý, bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật công trình KTTV của Trung ương trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

i) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc KTTV chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai ở địa phương; tổ chức thực hiện kế hoạch, theo dõi việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng.

k) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo KTTV trên địa bàn, phạm vi quản lý. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quan trắc KTTV và cung cấp thông tin KTTV liên quan đến vận hành của chủ công trình phải quan trắc KTTV theo quy định của pháp luật.

l) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong các công trình, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

m) Chủ trì, phối hợp với các Sở Xây dựng, Công thương, Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc theo thẩm quyền các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo và thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động KTTV trên địa bàn.

n) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

o) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về BĐKH thuộc phạm vi quản lý.

p) Hướng dẫn, triển khai và thực hiện việc lồng ghép nội dung BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

q) Tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với BĐKH; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BĐKH; xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

r) Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc thẩm quyền quản lý hoặc theo sự phân công của UBND tỉnh. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia.

s) Theo dõi hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; kiểm soát hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

t) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan hàng năm lập báo cáo về ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

u) Theo dõi, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành có trách nhiệm thực hiện kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; cập nhật, điều chỉnh danh mục phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh; rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính.

v) Thực hiện chế độ tổng hợp, thông tin, báo cáo về các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh theo quy định; kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính.

x) Tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về BĐKH và bảo vệ tầng ô-dôn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp

a) Thẩm định, góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về KTTV và BĐKH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Hướng dẫn kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật; phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật trong lĩnh vực KTTV và BĐKH.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về KTTV và BĐKH.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu cho cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ về KTTV và BĐKH theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng các nhiệm vụ khoa học công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ, thông tin, tư liệu, dữ liệu quản lý KTTV và BĐKH; chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh và phối hợp thẩm định cơ sở khoa học các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh về KTTV và BĐKH.

b) Thực hiện tiếp nhận công bố hợp quy của các tổ chức, cá nhân, lập danh sách và gửi các cơ quan theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; kiểm tra giám sát tuân thủ việc thực hiện công bố hợp quy chất được

kiểm soát sau khi tái chế và quy định của pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại sản phẩm, hàng hóa.

c) Kiểm tra giám sát việc tuân thủ thực hiện công bố hợp quy chất được kiểm soát.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về KTTV và BDKH; thẩm định, góp ý các dự án, đề án, nhiệm vụ đầu tư, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực KTTV và BDKH vào phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại thiên tai.

5. Sở Công Thương

a) Chủ trì rà soát, triển khai hướng dẫn thực hiện các chính sách về năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; tăng cường việc thực thi các chính sách về sử dụng năng lượng hiệu quả, phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo ở tỉnh Ninh Bình. Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động công nghiệp, thích ứng với BDKH.

b) Lồng ghép tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về ứng phó với BDKH cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có các hoạt động gây phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp.

c) Theo dõi việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong rà soát, cập nhật, điều chỉnh danh mục phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh; rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính; kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

6. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác cấp giấy phép xây dựng nhằm đảm bảo phạm vi an toàn hành lang kỹ thuật công trình KTTV theo quy định.

b) Chủ trì thẩm định, tham gia góp ý kiến, trình phê duyệt các dự án liên quan đến KTTV, BDKH thuộc lĩnh vực quản lý của ngành.

c) Chủ trì tích hợp các kịch bản BDKH, bản đồ rủi ro ngập lụt, sạt lở (do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp) vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.

d) Đảm bảo sự đồng bộ giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên nước, môi trường.

đ) Cung cấp thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị để Sở Nông nghiệp và Môi trường phục vụ công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường.

e) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong đề xuất áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng về công trình xanh, vật liệu thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, đô thị sinh thái, đô thị bền vững.

g) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc quy hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc KTTV chuyên dùng đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị của tỉnh và các nhiệm vụ, dự án ứng phó với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn.

h) Quản lý, cung cấp dữ liệu đo đạc KTTV của các công trình xây dựng, giao thông thuộc phạm vi quản lý có quan trắc, khai thác dữ liệu KTTV cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của tỉnh.

i) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải về khai thác, sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo KTTV và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV theo quy định; áp dụng việc sử dụng, trao đổi thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV đáp ứng yêu cầu quản lý dịch vụ đảm bảo hoạt động giao thông đường thủy và đường bộ.

k) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong cập nhật, điều chỉnh danh mục phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh; rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính; kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính và thực hiện các nhiệm vụ, dự án liên quan về KTTV và BĐKH thuộc phạm vi, trách nhiệm được giao.

l) Phối hợp theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, dự án hạ tầng đô thị và giao thông vận tải của tỉnh.

7. Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Ninh Bình

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện thuộc lĩnh vực KTTV và BĐKH theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cung cấp kịp thời, chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo KTTV cho Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị khác theo yêu cầu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, giám sát và ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh.

c) Phát báo kịp thời các hiện tượng khí hậu thời tiết thủy văn nguy hiểm (nắng nóng, không khí lạnh, áp thấp nhiệt đới, bão, lốc, mưa lớn, lũ lụt, lũ

quét...) cho các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng theo chế độ quy định của Chính phủ; đồng thời thu nhận thông tin dữ liệu, phát báo bổ sung các tin về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

d) Cung cấp các thông tin, số liệu quan trắc thuộc mạng lưới KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ công tác chỉ đạo phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH và quản lý nhà nước về KTTV trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có công trình KTTV, xây dựng phương án cấm mốc giới xác định hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc thẩm quyền quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình đã được phê duyệt và thực hiện cấm mốc giới trên thực địa, bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có công trình để quản lý theo quy định của pháp luật. Giải quyết vi phạm hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc phạm vi quản lý.

e) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác điều tra cơ bản về KTTV, quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, quy trình nghiệp vụ có liên quan đến KTTV; rà soát các công trình KTTV trên địa bàn, đề xuất phát triển các trạm KTTV và giám sát BĐKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

g) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thẩm tra độ chính xác số liệu KTTV được sử dụng cho việc tính toán các đặc trưng thiết kế khi xây dựng công trình, quy hoạch, kế hoạch.

h) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào công tác đo đạc, khảo sát, dự báo, cảnh báo KTTV, giám sát BĐKH. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và thiên tai để phục vụ tốt công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương.

i) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về KTTV, BĐKH các cấp thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KTTV và BĐKH, Luật KTTV và bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình KTTV trên địa bàn tỉnh.

k) Phối hợp Văn phòng Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và đề xuất các biện pháp ứng phó với thiên tai, BĐKH trên địa bàn tỉnh.

l) Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ, phục vụ KTTV theo quy định.

8. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

a) Tiếp nhận tình hình, diễn biến của thời tiết, khí hậu, thủy văn, bão, áp thấp nhiệt đới, triều cường, xâm nhập mặn,... do Đài Khí tượng thủy văn tỉnh cung cấp để kịp thời chỉ đạo trong việc phòng, chống và ứng phó.

b) Chủ trì, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai; chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trong phạm vi quản lý.

c) Tổ chức chỉ đạo ứng phó, xử lý kịp thời với các diễn biến thiên tai (mưa lớn, áp thấp nhiệt đới, bão, lũ, xâm nhập mặn, ngập úng, động đất, sóng thần,...) bảo vệ sản xuất, các cơ sở kinh tế - xã hội, khu dân cư; khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

d) Chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc và tổng hợp báo cáo việc thống kê, đánh giá thiệt hại, xác định nhu cầu hỗ trợ, triển khai công tác khắc phục hậu quả và phục hồi tái thiết sau thiên tai.

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BĐKH, xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH và thực hiện lồng ghép các nội dung BĐKH vào chiến lược, kế hoạch, quy hoạch trong công tác Phòng thủ dân sự.

9. Báo và Phát thanh, truyền hình Ninh Bình

a) Tổ chức truyền, phát tin dự báo, cảnh báo KTTV do Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Đài Khí tượng thủy văn Bắc bộ, Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia ban hành và các thông tin về BĐKH phục vụ phòng, chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài khí tượng thủy văn tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan xây dựng chương trình phát thanh, truyền hình để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về KTTV và BĐKH.

c) Ưu tiên truyền, phát tin các bản tin dự báo, cảnh báo KTTV và các văn bản, công điện về phòng, chống thiên tai do Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh cung cấp.

10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh đối với các trường hợp được tác động vào thời tiết theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra thiên tai KTTV.

11. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh đối với các trường hợp được tác động vào thời tiết theo quy định.

b) Phối hợp với các cấp, ngành triển khai các kế hoạch, phương án ứng phó với BĐKH, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Bình, các tổ chức thành viên của mặt trận, Hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia bảo vệ công trình KTTV, tiếp nhận, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV và chấp hành các quy định của pháp luật về KTTV, BDKH; tham gia phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại bởi thiên tai.

13. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Thực hiện sự chỉ đạo và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý Nhà nước về hoạt động KTTV, BDKH và các nhiệm vụ về công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

b) Theo dõi việc chấp hành pháp luật, đánh giá, khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 53 Luật Khí tượng thủy văn.

c) Tiếp nhận thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (nay là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ, dự án về KTTV và BDKH; công tác thanh tra, kiểm tra việc xử lý các hành vi vi phạm về KTTV và BDKH theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về KTTV và BDKH tại địa phương.

e) Tham gia bảo vệ công trình KTTV trên địa bàn.

g) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động KTTV, thiệt hại do thiên tai KTTV gây ra trên địa bàn. Đề xuất các giải pháp ứng phó với BDKH phù hợp với đặc thù từng địa phương.

h) Tham gia, phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác, bảo vệ công trình KTTV trên địa bàn.

14. Các sở, ban, ngành có liên quan

a) Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực.

b) Lồng ghép kết quả giám sát BDKH trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển của ngành, lĩnh vực thuộc danh mục quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng; rà soát, tổng hợp, cung cấp thông tin hoạt động KTTV thuộc quyền quản lý; thực hiện các nhiệm vụ thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực theo quy định; cập nhật, điều chỉnh danh mục phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh; rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính; kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về KTTV và BĐKH.

d) Thực hiện công tác phối hợp khác khi có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

15. Các tổ chức, cá nhân có công trình KTTV chuyên dùng, các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành; các cơ sở, tổ chức, cá nhân sử dụng, thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát

1. Các tổ chức, cá nhân có công trình KTTV chuyên dùng

a) Quyết định lựa chọn thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng theo Kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

b) Gửi Quyết định việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng cho Sở Nông nghiệp và Môi trường chậm nhất sau 15 ngày khi có quyết định thành lập, di chuyển hoặc giải thể trạm KTTV chuyên dùng.

c) Căn cứ các quy định xây dựng hành lang bảo vệ công trình KTTV chuyên dùng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét Quyết định theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP, Nghị định số 48/2021/NĐ-CP và Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT.

2. Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần từ năm 2024 trở đi.

b) Cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ sở;

c) Giai đoạn từ năm 2025 đến hết năm 2030, các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm xây dựng, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hạn ngạch phát thải khí nhà kính

được phân bổ; các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các cơ sở, tổ chức, cá nhân sử dụng, thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát thực hiện các quy định về sử dụng, thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất được kiểm soát theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, 8 Điều 1 Thông tư số 08/2025/TT-BTNMT ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác phối hợp quản lý nhà nước về hoạt động KTTV và BĐKH theo nội dung Quy chế này và các quy định pháp luật. Cử đơn vị, cán bộ làm đầu mối trong việc phối hợp và thông tin, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Hằng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp theo nội dung Quy chế này về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) trước ngày 30 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp tình hình thực tiễn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.